

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST  
Ngày: 25-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hồ Hoàng Phong**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ T Khiêm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Quốc Đoàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trần Thị Mỹ N**, sinh năm 1972, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (chết), sinh năm 1940 và bà Trần Mỹ D, sinh năm 1941 (chết); chồng Nguyễn Văn T; con có 02 người: Nguyễn Trần Anh K, sinh năm 1996 và Nguyễn Trần Yên N, sinh năm 2009; Tiền sự; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1/ Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1954.

2/ Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1952 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã C, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho ông **Trần Thanh T**: bà **Huỳnh Thị Đ** - đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022).

*Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Phước T, sinh năm 1961 ( vắng mặt)

2/ Anh Trần Quốc Q, sinh năm 1982 ( có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã D, huyện S, tỉnh Vĩnh Long

3/ Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 03/02/2022, Trần Thị Mỹ N cùng với con ruột là cháu Nguyễn Trần Yến N, đi đến nhà của Trần Phước T, thuộc ấp T, xã V, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, đến nơi N có tham gia uống bia cùng với T, Phương (Phương không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) và Trần Quốc Q, ngụ cùng ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Q rủ N, T, Phương cùng cháu Ngọc đi đến nhà cha mẹ ruột của Q là Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Đ, thuộc ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để tiếp tục uống bia thì tất cả đồng ý. Khi đến nơi, Q và P đi ra ngoài sân vườn, còn N thì đi ra phía sau nhà để nói chuyện với bà Đ, một lúc sau nhìn thấy có người chõ bia đến nên N đi vào nhà tìm thùng đựng nước đá, khi đi ngang qua phòng ngủ của bà Đ, do cửa phòng mở nên N nhìn thấy trên đầu giường ngủ có 01 bọc nylon, nghĩ trong bọc nylon có tiền, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Quan sát không có ai, N đã lén lút đi vào bên trong phòng đến gần bọc nylon thì nhìn thấy bên trong có nhiều cọc tiền mệnh giá khác nhau nên N đã dùng tay lấy trộm số tiền 15.000.000 đồng từ cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi bỏ vào túi quần Đ mặc trên người, sau đó N đi ra ngoài ngồi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày N cùng cháu Ngọc đi về nhà rồi cất giấu số tiền vừa trộm cắp được vào túi áo khoác treo bên trong phòng ngủ.

Khi phát hiện mất tiền, ngày 04/02/2022 bà Đ đi đến Công an xã T để trình báo sự việc, khi Công an xã C mời N đến làm việc thì N thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 15.000.000 đồng của ông T, bà Đ ngày 03/02/2022.

Vật chứng tạm giữ: Vào ngày 04/02/2022 và ngày 10/02/2022 Trần Thị Mỹ N đã nộp tổng số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để trả lại cho bị hại.

Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Vào ngày 05/4/2022 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã trả lại cho bà Huỳnh Thị Đ là bị hại và là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh T số tiền 15.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSTÔ ngày 21/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Trần Thị Mỹ N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Mỹ N thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan. Bị cáo khai nhận khoảng 16 giờ ngày 03/02/2022 tại nhà ông Trần Thanh T, bà Huỳnh Thị Đ thuộc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo có thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 15.000.000 đồng của ông T, bà Đ, hiện bị cáo đã trả lại số tiền trộm cho bị hại xong. Bị cáo biết lỗi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Huỳnh Thị Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Ngày 03/02/2022 khi phát hiện mất tiền thì có báo Công an xã Trà Côn và biết do bị cáo N trộm và hiện ông bà đã nhận lại đúng số tiền là 15.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự bà không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Mỹ N theo tội danh và Điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo N đã giao trả lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Đ xong đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ N nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 16 giờ ngày 03/02/2022, tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long, Trần Thị Mỹ N có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) của ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Đ nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Như vậy, Cáo trạng số: 26/CT-VKSTÔ ngày 21/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Thị Mỹ N và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải nuôi sống bản thân và gia đình, trái lại bị cáo không lo làm ăn mà lén lút lấy trộm tài sản của bị hại nhằm mục đích vun vén cho quyền lợi cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cho thấy hành vi bị cáo là xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng: không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Thị Mỹ N tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định các điểm b, h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình sự, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết giam bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo cũng thấy đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Đ đã nhận lại tài sản mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại cho ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Đ đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị Mỹ N thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Với thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2022).

Giao bị cáo Trần Thị Mỹ N cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị Mỹ N.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện T: 02;
- THA huyện T: 01;
- UBND xã c:01;
- Bị cáo: 01;
- Bị hại: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
ĐÃ KÝ**

**Hồ Hoàng Phong**